Kỳ thi Tuyển sinh vào lớp 10 - Năm học 2023-2024

Hội đồng coi thi: Trường THPT Chuyên Bến Tre

BẢNG GHI ĐIỂM CHI TIẾT

Phòng thi: 13

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	TRƯỜNG THCS	Điểm KK	Điểm UT	HK các năm học	ĐTB các năm học	Điểm thi							Điểm chuyên	GHI CHÚ
											Ngữ văn (chun	Tiếng Anh (chun	Tiếng Anh (chun	Tiếng Anh (chun	Toán (chung) (TL)	Toán (chung)	Toán (chung)		
1	360259	Bùi Phúc	Ân	01/05/2008	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	0.0	0.0	T,T,T,T	9.5;9.7;9.6;9.2	6.5	1.75	6.5	8.25	5.5	3.6	9.1	9	
2	360260	Lê Duy	Bảo	28/01/2008	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	0.0	0.0	T,T,T,T	9.2;9.5;9.7;9.3	5	1.25	5	6.25	6	3.8	9.8	7	
3	360261	Nguyễn Thành	Công	10/12/2008	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	0.0	0.0	T,T,T,T	8.7;8.7;8.4;8.8	4.5	0.75	5.5	6.25	3.75	3.4	7.15	5.75	
4	360262	Lê Kiều Ngọc	Châu	17/09/2008	Nữ	THCS Hoàng Lam	0.0	0.0	T,T,T,T	9.7;9.7;9.8;9.6	6.75	1.5	5.75	7.25	6	3.8	9.8	8	
5	360263	Nguyễn Tấn	Đạo	25/01/2008	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	0.0	0.0	T,T,T,T	9.3;9.2;8.2;8.5	5	1.25	5.5	6.75	4.75	3.6	8.35	5.75	
6	360264	Lê Minh	Hảo	19/12/2008	Nam	THCS Tam Phước	0.0	0.5	T,T,T,T	8.5;9;8.2;8.8	5	1.75	6.25	8	4	3.6	7.6	0	
7	360265	Phan Thị Ngọc	Hân	17/01/2008	Nữ	THCS Nguyễn Văn Tư	0.0	0.0	T,T,T,T	9.5;9.5;9.6;9.1	3.75	0.5	5	5.5	4.25	4	8.25	4	
8	360266	Lê Toàn	Hiếu	30/10/2008	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	0.0	0.0	T,T,T,T	8.8;9.2;9.1;9.4	5	1.25	6	7.25	4.5	3.6	8.1	6	
9	360267	Nguyễn Trọng	Hiếu	15/08/2008	Nam	THCS Phú Hưng	0.0	0.0	T,T,T,T	8.8;8.9;8.9;8.6	3.75	1	3.5	4.5	4.25	3.4	7.65	8.5	
10	360268	Lưu Đức	Hòa	20/03/2008	Nam	THCS An Hiệp	0.0	0.0	T,T,T,T	8.7;9.1;9;8.3	3.25	1.25	5.75	7	4.25	2.4	6.65	0	
11	360269	Lê Nguyễn Đăng	Khôi	21/08/2008	Nam	THCS Thạnh Phú Đông	0.0	0.0	T,T,T,T	9.4;9.6;9.5;9.3	5.25	1.25	5.75	7	5.25	4	9.25	10	
12	360270	Nguyễn Quang	Khương	16/10/2008	Nam	THCS Châu Hòa	0.0	0.0	T,T,T,T	8.7;8.7;8.3;8.2	5.25	1.75	6.5	8.25	4	4	8	8.25	
13	360271	Lê Phi	Long	09/09/2008	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	0.0	0.0	T,T,T,T	9;9;8.8;8.8	4.5	1.5	5.75	7.25	3.75	3.8	7.55	5.75	
14	360272	Võ Đắc	Lộc	29/01/2008	Nam	THCS Phú Hưng	0.0	0.0	T,T,T,T	9.6;9.7;9.7;9.4	6	1.75	6.75	8.5	5	3.8	8.8	9	
15	360273	Võ Thiên	Lộc	02/01/2008	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	0.0	0.0	T,T,T,T	9.7;9.8;9.8;9.6	7	2.5	7.5	10	5.5	4	9.5	8.25	
16	360274	Nguyễn Phúc	Lợi	12/09/2008	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	0.0	0.0	T,T,T,T	9.4;9.1;8.8;8.5	4.75	1.25	4.75	6	3.75	3.6	7.35	7.75	

Bến Tre, ngày 17 tháng 06 năm 2023

Người lập bảng

Phạm Đức Hoàng

Họ tên và chữ ký những người kiểm tra

Võ Thanh Vương Đạo

Bến Tre, ngày 17 tháng 06 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH BẾN TRE

Bùi Minh Nhựt

Kỳ thi Tuyển sinh vào lớp 10 - Năm học 2023-2024

Hội đồng coi thi: Trường THPT Chuyên Bến Tre

BẢNG GHI ĐIỂM CHI TIẾT

Phòng thi: 14

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	TRƯỜNG THCS	Điểm KK	Điểm UT	HK các năm học	ĐTB các năm học	Điểm thi							Điểm chuyên	GHI CHÚ
											Ngữ văn (chun	Tiếng Anh (chun	Tiếng Anh (chun	Tiếng Anh (chun	Toán (chung) (TL)	Toán (chung)	Toán (chung)		
1	360275	Trần Bảo	Ngọc	23/10/2008	Nữ	THCS Thành phố Bến Tre	0.0	0.0	T,T,T,T	9.1;9.6;9.7;9.4	6.5	1	6.25	7.25	4.75	4	8.75	8.5	
2	360276	Nguyễn Xuân	Phát	16/09/2008	Nam	THCS Hoàng Lam	0.0	0.0	T,T,T,T	8.5;8.7;8.2;7.7	3.25	1	6.5	7.5	4.75	3.8	8.55	0	
3	360277	Ngô Thiên	Phú	08/03/2008	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	0.0	0.0	T,T,T,T	9.4;9.4;9.3;9.3	5	1.75	6.5	8.25	5.25	4	9.25	6.5	
4	360278	Trần Lê Hữu	Phúc	14/08/2008	Nam	THCS Nguyễn Thị Hai	0.0	0.0	T,T,T,T	9.5;9.6;9.7;9.5	6.5	1.75	6.5	8.25	6	3.8	9.8	5.5	
5	360279	Phan Huỳnh Trí	Quang	11/03/2008	Nam	THCS An Khánh	0.0	0.0	T,T,T,T	9.1;9.1;9.5;9.2	6.75	1.75	6.5	8.25	6	4	10	10	
6	360280	Nguyễn Trí	Tài	06/12/2008	Nam	THCS Thị trấn Mỏ Cày	0.0	0.0	T,T,T,T	9.3;9.3;9.2;9	4	2	6.25	8.25	4.75	3.6	8.35	5.25	
7	360281	Đoàn Thị Kim	Tuyến	29/01/2008	Nữ	THCS Mỹ Hóa	0.0	0.0	T,T,T,T	8.8;8.8;9.1;9	4.5	1	4.5	5.5	4.5	3.6	8.1	4.25	
8	360282	Phan Nguyễn Vĩ	Thành	30/04/2008	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	0.0	0.0	T,T,T,T	9.9;9.8;9.6;9.4	5.5	1.75	5.75	7.5	5.5	3.8	9.3	3.5	
9	360283	Lữ Ngọc Phú	Thiên	04/02/2008	Nam	THCS Mỹ Hóa	0.0	0.0	T,T,T,T	8.7;8.9;9.2;8.5	5	1.75	5.5	7.25	4.75	4	8.75	8	
10	360284	Tăng Trường	Thịnh	12/06/2008	Nam	THCS Hoàng Lam	0.0	0.0	T,T,T,T	9.1;9;9.1;9.2	5	1.75	7	8.75	4.25	3.6	7.85	7.25	
11	360285	Phạm Minh	Thông	23/09/2008	Nam	THCS Ba Mỹ	0.0	0.0	T,T,T,T	8.8;9.2;9.5;9.2	4.75	1.75	6.75	8.5	5	4	9	9.5	
12	360286	Nguyễn Hiếu	Thuận	10/02/2008	Nam	THCS Hồ Hảo Hớn	0.0	0.0	T,T,T,T	9.3;9.6;9.8;8.9	4.5	1.25	5.5	6.75	5	3.6	8.6	2.75	
13	360287	Hồ Hoàng	Trí	13/11/2008	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	0.0	0.0	T,T,T,T	8.9;9.2;9.4;8.8	5.75	1.25	6.25	7.5	4.75	3.8	8.55	8.5	
14	360288	Võ Minh	Trí	12/06/2008	Nam	THCS Thành phố Bến Tre	0.0	0.0	T,T,T,T	9.6;9.7;9.8;9.7	6.5	1.75	7	8.75	5.5	4	9.5	9	
15	360289	Nguyễn Thế	Trọng	03/01/2008	Nam	THCS Vang Quới	0.0	0.0	T,T,T,T	9.7;9.8;9.6;9.4	5	1.75	6.75	8.5	4.5	4	8.5	9.5	

Bến Tre, ngày 17 tháng 06 năm 2023

Người lập bảng

Phạm Đức Hoàng

Họ tên và chữ ký những người kiểm tra

Võ Thanh Vương Bạo

Bến Tre, ngày 17 tháng 06 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH BẾN TRE

Bùi Minh Nhựt